TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2024/HNGĐ-ST
Ngày 13-11-2024
V/v "Tranh chấp về ly hôn, giữa ông Tú và bà Lý"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC,
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trần Hiển

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Phùng Thị Khánh Vân

2- Bà Ngô Thị Thúy Nga

- Thư ký Tòa án: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 13 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 281/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024 về *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 150/2024/QĐXX-ST ngày 07 tháng 10 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25-10-2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Duy T, sinh năm 1952, vắng mặt

Địa chỉ: Tổ B, ấp T, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Bà Đinh Thị L, sinh năm 1954, vắng mặt

Địa chỉ: Tổ B, ấp T, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06-8-2024, bản khai ngày 18-9-2024, biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 18-9-2024, ngày 07-10-2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Bùi Duy T trình bày:

- *Về hôn nhân:* Ông và bà Đinh Thị L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là xã P), huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vào ngày 26/4/1980 (Giấy chứng nhận số 69). Vợ chồng chung sống đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. Trong thời gian sống ly thân ông bà không gặp nhau bàn chuyện hàn gắn. Nay ông thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông xin ly hôn bà L.

Về nuôi con chung: Ông bà có 04 con chung Bùi Duy T1, sinh năm 1982; Bùi Duy T2, sinh năm 1984; Bùi Thị V, sinh năm 1985 và Bùi Duy H, sinh năm 1989, các con đã trưởng thành, ông không yêu cầu giải quyết.

Về chia tài sản chung: Ông không yêu cầu giải quyết.

Bà Đinh Thị L là bị đơn được Tòa án triệu tập để hòa giải, xét xử nhưng vắng mặt.

Kết quả xác minh ngày 28/8/2024 tại ấp T, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xác định trong thời gian chung sống ông bà có phát sinh mâu thuẫn nhưng không rõ nguyên nhân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Không tham gia (Theo Công văn số 271/CV-VKS ngày 11/10/2024).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhận định:

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Ông Bùi Duy T là nguyên đơn tranh chấp với bà Đinh Thị L là bị đơn về ly hôn; bà L có nơi cư trú tại huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định tại Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về xét xử vắng mặt*: Ông Bùi Duy T là nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt ngày 25/10/2024; bà Đinh Thị L là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc

trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông bà theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về nội dung vụ án:*

[4.1] *Về hôn nhân*:

[4.1.1] Ông Bùi Duy T và bà Đinh Thị L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là xã P), huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vào ngày 26/4/1980 (Giấy chứng nhận số 69) nên hôn nhân này là hợp pháp.

[4.1.2] Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, theo ông T là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay và không gặp nhau để bàn chuyện hàn gắn. Nay ông thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông xin ly hôn bà L.

[4.1.3]. Tòa án triệu tập bà L nhiều lần để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng bà vắng mặt không muốn hòa giải. Qua xác minh tại địa phương xác định ông bà có mâu thuẫn. Cho thấy, mâu thuẫn của ông bà là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho ông T ly hôn bà L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] *Về nuôi con chung:* Ông bà có 04 con chung Bùi Duy T1, sinh năm 1982; Bùi Duy T2, sinh năm 1984; Bùi Thị V, sinh năm 1985 và Bùi Duy H, sinh năm 1989, các con đã trưởng thành, ông T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4.3] *Về chia tài sản chung:* Ông T không yêu cầu nên không xem xét.

[5] *Về án phí*: Ông T phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. *Về hôn nhân:* Cho ông Bùi Duy T ly hôn bà Đinh Thị L.

2. *Về nuôi con chung:* Ông bà có 04 con chung Bùi Duy T1, sinh năm 1982, Bùi Duy T2, sinh năm 1984, Bùi Thị V, sinh năm 1985 và Bùi Duy H, sinh năm 1989, các con đã trưởng thành, ông không yêu cầu giải quyết.

3. *Về chia tài sản chung:* Ông T không yêu cầu.

4. *Về án phí*: Ông Bùi Duy T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về ly hôn, trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai tạm ứng số 0000976 ngày 23/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc; ông T đã nộp đủ; bà Đinh Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- THA huyện Xuyên Mộc;
- Các đương sự;
- UBND xã Phước Thuận,
huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Trần Hiển